Về quá trình phát triển mô hình nhà nước trong lịch sử Việt Nam và một vài liên hệ với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay

TS DƯƠNG THỊ THỤC ANH
Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: duongthucanh1972.cth@gmail.com

Nhận ngày 17 tháng 8 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 10 năm 2022.

Tóm tắt: *Đất nước ta hôm nay, đang trong tiến trình đổi mới, "Xây dựng và hoàn thiện nhà nước Pháp quyền XHCN", đây là nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống chính trị và của cả dân tộc. Vì vậy, việc học hỏi, chọn lọc giá trị nhân loại, đồng thời tiếp thu các giá trị di sản dân tộc có ý nghĩa hết sức quan trọng và cấp thiết trước yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng theo tinh thần Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.*
Từ khóa: *mô hình nhà nước; nhà nước pháp quyền; xã hội chủ nghĩa.*

Abstract: *Our country today is in the process of renewal. "Building and perfecting the socialist rule-of-law state" is the central task of the political system and the whole nation. Therefore, studying and selecting human values while assimilating national heritage values are urgent tasks which play great importance in building and perfecting the socialist rule-of-law state of the people, by the people and for the people under the leadership of the Party in the spirit of the 13th National Party Congress.*
Keywords: *state model; rule-of-law state; socialist.*

1. Quá trình phát triển mô hình nhà nước trong lịch sử Việt Nam

Vào thời đại Hùng Vương, người Việt ở lưu vực sông Hồng đã có một lối sống riêng, với một nền văn minh độc đáo. Văn Lang - Âu Lạc không phải là một huyền thoại - đó là một nhà nước cổ đại có trình độ văn hóa khá cao, có xã hội tổ chức thành quy củ, tồn tại lâu dài hàng ngàn năm. Trong thiết chế đó, khái niệm quyền lực nhà nước chỉ có ý nghĩa tương đối, vua là thủ lĩnh của một bộ lạc lớn. Quyền lực ở đây không hoàn toàn đồng nghĩa với sự thống trị giai cấp, mà hướng vào cố kết, hòa đồng giữa ba yếu tố nhà - làng - nước; đã có sự phân hóa giai cấp nhưng chưa sâu sắc. Cơ sở tồn tại Nhà nước Văn Lang hướng vào duy trì nòi giống, mở rộng lãnh thổ và phát triển là chính. Pháp luật của Nhà nước chủ yếu được hình thành trên cơ sở hệ thống phong tục tập quán. Đồng thời, nhận thức về quyền tự trị, tự quản, về "lão quyền", "tộc quyền", về tinh thần tôn trọng cộng đồng được khái quát thành những quan niệm, sớm trở thành cơ tầng tư tưởng tương đối bền vững đã thực sự là yếu tố cấu thành và ít nhiều chi phối đời sống chính trị - pháp lý Việt Nam ngay từ thời cổ đại.

Đặt nền móng Việt từ thời Hùng Vương, nhà nước Văn Lang - Âu Lạc chưa thành công, nhưng là tiền đề đem đến kết quả vĩ đại của hơn nghìn năm chống Bắc thuộc; đó là đạo lý Việt Nam về những lẽ tốt xấu, phải trái, ý chí cố kết cộng đồng các tộc người lại với nhau; dựa trên nguyên tắc dù là "luật bất thành văn" hay "luật tục" thì cuối cùng con người Việt, đất Việt, văn hóa Việt chứng tỏ sức sống mãnh liệt và kỳ diệu của mình trước sự nô dịch và đồng hóa của ngoại bang qua ngàn năm lịch sử chính trị hào hùng của dân tộc trong dựng nước và giữ nước.

Vào năm 938, với chiến thắng quân Nam Hán của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng, mở ra trang sử mới nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập, tự chủ. Từ thế kỷ X, dưới các triều đại Ngô - Đinh - Tiền Lê với

mô hình "thiết chế Tập quyền quân sự", đứng đầu bộ máy là vua thực chất họ là thủ lĩnh quân sự giành chiến thắng trong các cuộc chiến tranh giành độc lập. Vua có quyền lực nhà nước cao nhất về lập pháp, hành pháp và tư pháp (hiểu theo nghĩa đơn giản), dưới Hoàng đế là vị tổng chỉ huy quân đội. Quyền lực chính trị và hiệu lực quản lý xã hội cơ bản phụ thuộc vào sức mạnh quân sự, với cơ chế mệnh lệnh nhằm thực thi quyền lực của hoàng đế để phục vụ mục đích thống nhất đất nước, chiến thắng quân xâm lược. Tuy nhiên, việc duy trì và thực thi quyền lực của chính quyền trung ương chủ yếu nhờ vào sức mạnh quân sự và hình phạt nặng nề nó tạo ra hạn chế lớn không những cho sự tồn tại của triều đại mà còn là một trở ngại cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Thời điểm này, nước ta bắt đầu có Luật thành văn, được soạn thảo vào năm 1002 dưới triều vua Lê Đại Hành. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê chép: "Năm Nhâm Dần, niên hiệu ứng Thiên thứ 3 (1002), mùa xuân, tháng 3, định luật lệnh..."[1].

Đến thời đại Lý - Trần, với mô hình "thiết chế tập quyền thân dân" đã khẳng định sự phát triển cao trong tổ chức, cấu trúc và vận hành nhà nước quân chủ Việt Nam đương thời. Vương triều nhà Lý, do Lý Công Uẩn lập ra (năm 1009) đã mở đầu một nền cai trị bằng bộ máy dân sự đã tồn tại đến năm 1225. Khi định đô ở Thăng Long việc kiện toàn bộ máy triều chính, cơ sở tư tưởng chính trị của vương triều Lý là sự kết hợp của nhiều yếu tố tích cực phù hợp với tư tưởng người Việt của Đạo Giáo, Đạo Phật, Đạo Nho; trong đó Phật giáo được đề cao. Nho giáo là cơ sở quan trọng cho việc tổ chức bộ máy, hệ thống nhân sự và vận hành của thiết chế này. Thiết chế nhà nước được xây dựng từ trung ương đến địa phương. Vua đứng đầu triều đình nắm quyền cao nhất về hành pháp, tư pháp trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, pháp luật, tôn giáo. Dưới vua là các quan chức cao cấp chia ra ban văn và võ. Trong thiết chế chính trị nhà Lý các quý tộc và công thần được nắm giữ các trọng trách ở trung ương và địa phương.

Nhà Lý chú trọng hoạt động lập pháp, vào năm Nhâm Ngọ (1042), nhà Lý cho ra đời bộ *Hình thư*. Căn cứ vào những ghi chép của chính sử, có thể thấy bộ luật này đã được nhà vua chỉ đạo tổ chức soạn thảo một cách có hệ thống. Bộ luật có nội dung phù hợp với thực tế cuộc sống: "Có châm chước cho thích đáng với thời thế", Luật được biên soạn không chỉ trở thành bộ luật "của triều đại" mà còn "để cho người đời sau" đảm bảo tính ổn định lâu dài, Luật soạn thảo xong, triều đình tổ chức công bố rộng rãi cho cả nước biết: "Xuống chiếu ban hành". Luật có hiệu lực thực tế ngay theo hướng giảm phiền hà cho dân, xóa bỏ những bất cập trong việc xét án trước đây: "Dân lấy làm tiện, đến đây, phép xử án được bằng thẳng rõ ràng". Đây là tư tưởng thân dân, khoan dung, quan tâm đến quyền lợi của dân mà các vua nhà Lý nhận thức rất sâu sắc. Đúng như nhận xét của Phan Huy Chú: "Hình pháp của nhà Lý thì lỗi ở khoan rộng"[2]. Việc nhà vua đổi niên hiệu là Minh Đạo (con đường sáng) và đổi tiền Minh Đạo vào năm ban hành bộ luật quan trọng này thể hiện ý chí dùng pháp luật để quản lý xã hội, lấy lòng tin vào pháp luật của dân, để ổn định đời sống mang lại hạnh phúc cho dân. Xã hội Đại Việt thời Lý mở đầu cho thời định đô Thăng Long và cũng là vương triều tồn tại liên tục dài nhất trong lịch sử Việt Nam. Một vương triều trội vượt lên cả về sự thịnh vượng, độc đáo cũng như về sự trường tồn, đã từng được người xưa đánh giá là "nổi tiếng văn minh" (Lê Quý Đôn).

Nhà Trần (1225-1400) tồn tại 175 năm qua 12 đời vua, trong đó có hơn 100 năm (1225-1329) với 5 đời vua (Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông và Minh Tông) ở thời kỳ thịnh trị, để lại một di sản to lớn, độc đáo trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, những đỉnh cao về văn trị, những võ công hiển hách, những nhà hoạt động chính trị và danh tướng kiệt xuất - đã đưa Đại Việt thành một nước hùng mạnh nhất vùng Đông Nam Á, có một tầm cao mới. Nhà nước quân chủ thời Trần, do Trần Thủ Độ gây dựng bước đầu, là một nhà nước quân chủ Phật giáo có tính chất pháp quyền"[3]. Với bộ máy nhà nước khá hoàn bị, quân đội hùng mạnh. Trong thiết chế chính trị các hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp đều dặt dưới quyền của Hoàng đế. Bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương được tổ chức chặt chẽ, việc phân nhiệm các cơ quan trung ương rõ ràng hơn. Hệ thống quan lại địa phương được tổ chức hoàn thiện. Thiết chế chính trị nhà Trần được thể hiện tính tập trung cao hơn thiết chế chính trị nhà Lý.

Về luật pháp, cũng như bộ Hình thư đời Lý, Quốc triều hình luật của nhà Trần đã bị thất truyền. Theo Phan Huy Chú, pháp luật đời Trần nghiêm khắc hơn đời Lý, người càng ở cương vị cao càng triệt để thi hành pháp luật. Thái sư Trần Thủ Độ là người nổi tiếng triệt để thi hành pháp luật, thưởng phạt rất nghiêm minh. Chính vì vậy mà triều đại này đã tỏa hào quang sáng chói trong lịch sử Việt Nam, đóng một vai trò đặc biệt trong tiến trình lịch sử dân tộc. Thăng Long đời Trần phát triển rực rỡ cùng với thời Lý trước đó, tạo nên kỷ nguyên văn minh Đại Việt.

Thiết chế chính trị Nhà Hồ (1400-1407) trên cương vị nắm quyền cao nhất, Hồ Quý Ly tiến hành cải cách bộ máy nhà nước, nhằm tăng cường uy lực của nhà nước, tăng cường tính quân sự trong cai trị xã hội, về pháp luật tăng cường ban hành luật về kinh tế và xã hội như "Hạn điền" (năm 1397) "Hạn nô" (năm 1401). Cải cách về văn hóa, giáo dục, thi cử. Nhà Hồ tồn tại trong một thời gian ngắn đã thực hiện nhiều cải cách có tiến bộ. Tuy nhiên, biện pháp cải cách quá cứng rắn, vội vàng đã làm ly tán lòng dân. Mặt hạn chế từ cải cách cực đoan và chính sách triều đại nhà Hồ về khách quan làm vương triều mất khả năng lãnh đạo, điều hành đất nước khi có ngoại xâm.

Triều đại nhà Lê, năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, đặt quốc hiệu là Đại Việt. Nền tảng tư tưởng của quốc gia là Nho giáo, với tư cách là một học thuyết chính trị, xã hội, đạo đức phong kiến đã đáp ứng yêu cầu của nhà Lê về xây dựng một nhà nước, một xã hội trong đó ngôi vị Hoàng đế, trật tự đẳng cấp, trật tự đạo đức được đề cao tuyệt đối và một bộ máy quan liêu được đào tạo bài bản theo quan điểm giáo dục Nho giáo. Bộ máy nhà nước được xây dựng theo mô hình phong kiến trung ương tập quyền, tất cả quyền bính trong nước đều thuộc Hoàng đế. Dưới Hoàng đế là bộ máy triều đình chia ra hai ban văn võ, tiếp theo là cấu trúc lục bộ. Nhìn tổng thể, cấu trúc thiết chế quyền lực trung ương thời Lê sơ được xây dựng phức tạp hơn các triều đại trước. Bên cạnh tăng cường bộ máy nhà nước, nhà Lê cũng xây dựng hệ thống pháp luật và mang tính pháp luật ngày càng hoàn thiện, hình thành từng bước cơ sở pháp lý cho quản lý phát triển xã hội của bộ máy chính quyền. Như Ngô Sĩ Liên đã chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* về câu nói của Lê Thái Tổ ngay sau khi mới vào đến Thăng Long: "Từ xưa đến nay trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn"(4) và Lê Thái Tổ đã lệnh cho triều thần học tập đời xưa, đặt ra pháp luật để dạy các tướng hiệu quan lại, dưới đến dân chúng trăm họ biết. Ở thời kỳ đỉnh cao của nền quân chủ tập quyền "quan liêu", dựa trên tư tưởng pháp trị, Lê Thánh Tông coi hoạt động lập pháp là hoạt động thường xuyên với mong muốn tất cả các quan hệ xã hội - cả những quan hệ được coi là ít quan trọng - đều được điều chỉnh bằng pháp luật nhằm tạo ra một trật tự pháp luật ổn định, là căn cứ và tạo đà cho sự ổn định và phát triển của xã hội. Nếu vào năm 1483, *Bộ luật Hồng Đức* được ban hành thì đó là kết quả của nhiều năm, sau các lần bổ sung và hoàn chỉnh dần. Thời Lê Thánh Tông, việc soạn thảo luật được xúc tiến mạnh mẽ hơn, nó cũng phản ánh đậm nét những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam đương thời, đồng thời bộ luật cũng mang đậm nét vai trò cá nhân của Lê Thánh Tông. Từ năm 1471 dưới niên hiệu Hồng Đức, *Quốc triều hình luật* được khẩn trương chuẩn bị soạn thảo trong bối cảnh mới của đất nước. Năm Hồng Đức thứ 14 (1483), *Quốc triều hình luật* mà ta quen gọi là *Bộ luật Hồng Đức* được chính thức ban hành. Đây là bộ luật tổng hợp gồm nhiều loại luật (luật hình sự, luật dân sự, luật hôn nhân và gia đình, luật tố tụng), nhưng hầu hết các quy phạm trong bộ luật dù thuộc lĩnh vực nào cũng được xây dựng dưới dạng các quy phạm pháp luật hình sự và áp dụng các chế tài hình sự. Bộ luật này có giá trị điều chỉnh các quan hệ xã hội căn bản nhất, rường cột nhất, tạo nên cơ sở chính trị - xã hội - kinh tế và văn hóa của chế độ nhà Lê trong một thời gian dài suốt hơn 3 thế kỷ sau đó.

Đối với thời Lê Thánh Tông, bộ luật tạo ra sự ổn định trật tự xã hội, tăng cường kỷ cương phép nước, bảo đảm an dân, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển về mọi mặt của đất nước. Với hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh, lấy *Quốc triều hình luật* làm xương sống, Lê Thánh Tông đã xác lập được một trật tự pháp luật cần thiết và đầy hiệu lực để củng cố và bảo vệ trật tự nhà nước, trật tự xã hội của chế độ phong kiến tập quyền, mở đường "an toàn" cho sự phát triển dài lâu của thể chế tập quyền ấy. Đây là thành tựu có giá trị đặc biệt quan trọng trong lịch sử pháp luật Việt Nam, là đỉnh cao so với những thành

tựu pháp luật không chỉ của các triều đại trước đó, mà còn đối với cả bộ *Hoàng Việt luật lệ* được biên soạn vào đầu triều Nguyễn sau này. Sử gia Phan Huy Chú trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* có nhận xét: "Hình pháp của nhà Lý thì lỗi ở khoan rộng, hình pháp của nhà Trần thì lỗi ở nghiêm khắc"[5]. Và chính học giả lỗi lạc này, khi nói về luật pháp thời Lê đã phải khen ngợi: Hình luật đời Hồng Đức các thời đều tuân theo, dùng làm phép sẵn, dù các điều mục lặt vặt có thêm bớt, nhưng đại cương chế độ bao giờ cũng vẫn theo đó, thật là cái mẫu mực để trị nước, cái khuôn phép để buộc dân.

Triều Nguyễn được thành lập sau một thời kỳ nội chiến kéo dài từ giữa thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII: từ chiến tranh Nam - Bắc Triều (Lê - Trịnh và Mạc) đến Trịnh - Nguyễn phân tranh, rồi đến cuộc chiến giữa Tây Sơn với Nguyễn Ánh. Tình trạng đó dẫn tới hậu quả kỷ cương xã hội lỏng lẻo, luật pháp không thống nhất. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi thiết lập thiết chế chính trị tập quyền chuyên chế từ trung ương đến địa phương trong điều kiện đất nước đã thống nhất; hệ thống nhà nước ở trung ương, Hoàng đế nắm mọi quyền hành từ lập pháp, đến hành pháp và tư pháp, nhà Nguyễn lập quy định tập trung quyền lực cho Hoàng đế "tứ bất", các cơ quan giúp việc cho nhà vua. Ở địa phương, bộ máy chính quyền gồm: khu vực, trấn, hoặc doanh dưới là cấp phủ, huyện. Về tư tưởng chính trị để củng cố chế độ tập quyền chuyên chế mọi quyền hành trong tay Hoàng đế. Nhà Nguyễn dùng Nho giáo làm nền tảng chính trị cho triều đình và xã hội Việt Nam. Cơ chế vận hành của thiết chế chính trị này dựa trên hệ thống pháp luật ngày càng được tăng cường hoàn thiện. Để củng cố và bảo vệ nhà nước phong kiến, năm 1815 ban hành *Hoàng triều luật lệ (Gia Long)*. Thời Minh Mệnh, năm 1820 bộ *Hoàng Triều luật lệ* đã được bổ sung thêm cho phù hợp với yêu cầu bảo vệ và tăng cường quyền lực của Nhà nước phong kiến, cùng với độc tôn Nho giáo, đề cao pháp trị là tư tưởng chính trị nổi bật của vua Minh Mệnh.

Nhìn tổng thể các Hoàng đế nhà Nguyễn đã kế thừa các kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của các triều đại phong kiến Việt Nam trước đó, đồng thời có phỏng theo chế độ nhà Tống, nhà Thanh bên Trung Quốc; Xây dựng thiết chế chính trị phong kiến tập quyền chuyên chế một cách quy mô chặt chẽ. Hệ thống bộ máy nhà nước, quản lý xã hội nhà Nguyễn đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Hoàng đế.

2.1. Một số giá trị và ý nghĩa được rút ra

- Một là, ở các mức độ khác nhau từ thiết chế từ thời Ngô - Đinh - Tiền Lê đến các thiết chế nhà nước quân chủ tập quyền, chuyên chế về sau này đã khẳng định giá trị chủ đạo, xuyên suốt qua mô hình, thiết chế chính trị, nhà nước quân chủ trên cơ sở sự tồn tại quốc gia dân tộc tự chủ - độc lập - thống nhất với tư cách là một thực thể có chủ quyền. Đương thời, các mô hình nhà nước quân chủ đã hoàn thành được sứ mệnh, vai trò chính trị do lịch sử đặt ra đặc biệt thời kỳ chấn hưng dân tộc.

- Hai là, "đạo lý" dân tộc kết hợp tinh thần pháp luật trở thành nguyên tắc chủ đạo trong tổ chức và vận hành các mô hình Nhà nước truyền thống. Tinh thần này được phản ánh khá sâu sắc ở các thời kỳ độc lập - tự chủ và nhất là khi quốc gia thống nhất tiêu biểu mô hình nhà nước "tập quyền thân dân" thời Lý - Trần. Khi nhà lên nắm quyền, các vua Lý đã sớm củng cố ngôi vị, đồng thời ban hành pháp luật để quản lý quốc gia. Luật *Hình thư* được xem như bộ luật thành văn đầu tiên trong lịch sử pháp quyền Việt Nam. Điều đó chứng minh trong thời gian này bộ máy nhà nước trung ương tập quyền đã bắt đầu có tính ổn định và được xây dựng với thiết chế tương đối hoàn bị. Việc ban hành *Hình thư* dưới thời vua Lý Thái Tông thể hiện một tầm nhìn rộng và trình độ cao của tổ chức bộ máy nhà nước đương thời, một xã hội văn minh được quản lý bằng pháp luật. Đây là cơ sở, là di sản pháp lý quan trọng để các triều vua sau kế thừa, vận dụng vào việc soạn thảo luật, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của đất nước được kế tiếp ở các triều đại nhà Trần và nhà Nguyễn sau này.

- Ba là, các nhà cầm quyền, bậc minh quân chủ trương và hướng đến pháp luật trong quản lý quốc gia. Nhằm duy trì trật tự xã hội và kỷ cương phép nước, đi đôi với việc củng cố bộ máy nhà nước, trong các triều đại phong kiến Lê Thánh Tông rất coi trọng việc xây dựng thể chế pháp luật. Ông chủ trương dùng pháp luật để cai trị đất nước và quản lý xã hội. Đây là tư tưởng tiến bộ vượt bậc được lịch sử đương thời ghi nhận sâu sắc. Sự trùng hợp giữa bộ luật thời Trần và thời Lê cùng mang tên gọi *Quốc triều hình luật* phần nào cũng chứa đựng ý nghĩa của sự kế thừa của các nhà làm luật thời Hồng Đức. Bộ luật *Hồng*

Đức - tên thường gọi của bộ *Quốc triều hình luật*, ban hành năm 1483 dưới triều vua Lê Thánh Tông (1460-1497) được xem là đỉnh cao của việc xây dựng pháp luật trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

- Bốn là, xu hướng thống nhất, quản lý quốc gia bằng pháp luật ngày càng củng cố và phát triển. *Từ thời Lý - Trần, Lê Thánh Tông,* với sự hoạt động tích cực của Minh Mệnh (1820-1840), đã đưa nước Đại Nam (tên gọi nước ta từ năm 1838) đạt tới một sự phát triển nhất định. Ông là nhà lập pháp nổi tiếng của triều Nguyễn. Bộ *Hoàng Việt luật lệ* được ban hành góp phần thống nhất luật pháp trên cả nước. Cũng giống như các vị vua trị quốc trước đó, Minh Mệnh rất quan tâm đến công việc làm luật trong quản lý đất nước.

2.2. Liên hệ với yêu cầu xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay

Tiếp thu, chọn lọc học hỏi các giá trị nhân loại, đồng thời kế thừa tinh hoa giá trị truyền thống trong di sản dân tộc nhằm xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần quan tâm nhấn mạnh đến một số yêu cầu và nhiệm nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, chúng ta phải quán triệt và tổ chức thực hiện theo đúng tinh thần Đại hội XIII, chú trọng tập trung vào xây dựng Nhà nước về bản chất chính trị. Để tăng cường xây dựng bản chất chính trị của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đại hội XIII nhấn mạnh: khẳng định Nhà nước đó phải là nhà nước "của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo". Nhấn mạnh sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là phù hợp với Điều 4, Hiến pháp năm 2013, đảm bảo cho việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đúng với đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; để Nhà nước ta thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Thứ hai, để hiện thực hóa quan điểm, chủ trương nêu trên phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả.

Thứ ba, phải tăng cường và bảo đảm phát huy dân chủ và pháp quyền trong việc thực hiện các vấn đề trọng đại của đất nước. Phải đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp theo hướng đẩy mạnh tiến độ ban hành các luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013. Tập trung xây dựng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp, cơ chế giám sát,... Tăng cường công tác giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Thiết lập đồng bộ, gắn kết cơ chế giám sát tối cao của Quốc hội với giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của nhân dân.

Thứ tư, phải đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả. Một nhà nước quản trị tốt dựa trên nguyên tắc pháp quyền, dân chủ, liêm chính, công khai, minh bạch. Đẩy mạnh xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử, chính phủ điện tử một cách triệt để, tiến tới chính phủ số. Xây dựng và vận hành dịch vụ công trực tuyến quốc gia, kết nối tất cả các dịch vụ công trực tuyến từ Trung ương đến địa phương, tiến tới định danh cụ thể từng dịch vụ hành chính công, áp dụng thống nhất trên cả nước. Ban hành và thực thi cơ chế kiểm soát quyền lực, loại bỏ những nguy cơ, những việc làm sai trái, lạm quyền, lộng quyền, lợi dụng quyền hạn được giao vào mục đích vụ lợi, lợi ích nhóm trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, bảo đảm cho quyền lực nhà nước được tổ chức và thực hiện đúng mục đích mong muốn và đạt được hiệu quả cao./.

(1), (3) Ngô Sĩ Liên, Đại *Việt sử ký toàn thư,* Nxb. Khoa học xã hội, H.,1993, T.1, tr. 228.

(2) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* Nxb. Sử học, H.,1961, T.3, tr.94.

(4) Trần Quốc Vượng, *Trần Thủ Độ và nhân cách hành xử Việt Nam thời Trần*, trong sách *Trần Thủ Độ - con người và sự nghiệp*, Viện Sử học Việt Nam - Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Thái Bình, Hà Nội, 1995, tr. 33.